CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***357 683***	***54 319***	***313 281***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**70 017**	**20 105**	**49 912**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***7 500***	***7 458***	***42***			
1		THAN MIỀN NAM	23/01	205/01	30/01	TRƯỜNG XUÂN 36	BÙN 3B	3 150	3 130	20	27/01	TD	
2		ĐTTM&DV	23/01	207/01	30/01	BN 0766	CỤC XÔ 1C	1 200	1 193	7	27/01	TD	
3		XDCN MỎ	24/01	211/01	31/01	BN 1798	CỤC XÔ 1C	1 100	1 096	4	27/01	TD	
4		SÔNG HỒNG	25/01	220/01	31/01	HP 3355	CÁM 4B.1	2 050	2 040	10	27/01	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***28 345***	***12 647***	***15 698***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/01	66/01		VIỆT THUẬN 26-02	CÁM 6A.1	26 000	12 647	13 353	RÓT DỞ	HỘ LỚN	
2		DVVT QUẢNG NINH	26/01	227/01	31/01	BN 2335	BÙN 3B	1 300		1 300		TD	
3		SXTM THAN UÔNG BÍ	25/01	223/01	31/01	NB 8127	CỤC XÔ 1C	1 045		1 045		TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***34 172***		***34 172***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/01	56-B/01		HẢI NAM 79	CÁM 6A.1	27 450		27 450		HỘ LỚN	
2		XDCN MỎ	23/01	197/01	30/01	BN 1818	BÙN 3B	1 982		1 982		TD	
3		ĐTTM&DV	23/01	201/01	30/01	BN 0758	BÙN 3B	1 250		1 250		TD	
4		VTA	27/01	241/01	31/01	BN 1336	BÙN 3B	1 000		1 000		TD	
5		KDT HẢI PHÒNG	27/01	240/01	31/01	HP 5902	BÙN 3B	1 450		1 450		TD	
6		VTT	27/01	247/01	31/01	BN 2112	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
	Tàu chuyển tải							**194 250**	**10 900**	**183 350**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***76 000***	***10 900***	***65 100***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	23/01	58/01		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.14	22 900	6 900	16 000	RÓT DỞ	HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - TTHG: 4.900 - CLM: 10.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	27/01	61-B/01		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.10	30 300	4 000	26 300	RÓT DỞ	HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM: 20.300
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/01	67/01		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800		22 800		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 2.800
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***118 250***		***118 250***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/01	60/01		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000		46 000		HỘ LỚN	TTCO: 25.000 - KVCP: 6.000 - TTHG: 15.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/01	63/01		TRƯỜNG NGUYÊN OCEAN	CÁM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	26/01	68/01		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 6A.10	26 200		26 200		HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 5.000 - KVCP: 13.200
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	27/01	69/01		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750		HỘ LỚN	CLM: 20.000 - KVĐB: 2.750
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**24 250**	**9 199**	**15 051**			
	Tàu đã làm hàng							***9 240***	***9 199***	***41***			
1		KDT MIỀN BẮC	26/01	229/01	31/01	NB 8617	CÁM 7B	3 350	3 332	18	27/01	PTCB	NGUỒN CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		CROMIT	26/01	231/01	31/01	TH 0686	CÁM 6A.1	960	958	2	27/01	PTCB	NGUỒN HL
3		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	26/01	228/01	31/01	NB 8428	CÁM 8A	3 000	2 988	12	27/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
4		KDT MIỀN BẮC	26/01	233/01	31/01	QN 8488	CÁM 8A	1 930	1 921	9	27/01	TD	NGUỒN CS
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***2 100***		***2 100***			
1		SÔNG HỒNG	23/01	78/01	30/01	BN 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
2		V TRACO	27/01	243/01	31/01	BN 0679	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN KC
	Tàu đã làm lệnh							***12 910***		***12 910***			
1		ĐTTM&DV	21/01	186/01	28/01	GIA BẢO 68	CỤC 1B	1 550		1 550		TD	NGUỒN TN
2		ĐTTM&DV	21/01	186/01	28/01	GIA BẢO 68	CÁM 8A	1 550		1 550		TD	NGUỒN CS
3		DVVT QUẢNG NINH	22/01	194/01	29/01	BN 1829	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN CS
4		V TRACO	23/01	126/01	30/01	BN 2397	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5		KDT HẢI PHÒNG	23/01	203/01	30/01	BN 2646	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
6		HẢNG HẢI VN	25/01	217/01	31/01	BN 0962	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-CS
7		XDCN MỎ	25/01	222/01	31/01	BN 1879	CỤC 1B	1 060		1 060		TD	NGUỒN ĐN-CS
8		THAN MIỀN TRUNG	26/01	153/01	31/01	BN 0869	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
9		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	27/01	237/01	31/01	NB 8308	CÁM 8A	3 000		3 000		TD	NGUỒN CS
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**23 083**	**11 614**	**11 469**			
	Tàu đã làm hàng							***11 668***	***11 614***	***54***			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	26/01	234	31/01	NB 6656	CÁM 5B.1	1 389	1 386	3	27/01	PTCB	
2		KDT HẢI PHÒNG	27/01	239	31/01	HP 6683	CÁM 5A.1	1 850	1 844	6	27/01	PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	27/01	242	31/01	HP 4845	CÁM 6A.1	1 100	1 094	6	27/01	PTCB	
4		KDT BẮC TRUNG BỘ	26/01	234	31/01	NB 6656	CÁM 5B.1	1 389	1 386	3	27/01	PTCB	
5		KDT HẢI PHÒNG	27/01	239	31/01	HP 6683	CÁM 5A.1	1 850	1 844	6	27/01	PTCB	
6		KDT HẢI PHÒNG	27/01	242	31/01	HP 4845	CÁM 6A.1	1 100	1 094	6	27/01	PTCB	
7		THAN MIỀN NAM	21/01	188B	28/01	TRƯỜNG XUÂN 16	CỤC 1B	1 520	1 507	13	27/01	TD	
8		THAN MIỀN NAM	21/01	188B	28/01	TRƯỜNG XUÂN 16	CỤC 6B	1 470	1 459	11	27/01	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***8 415***		***8 415***			
1		KDT MIỀN BẮC	27/01	244	31/01	HP 6194	CÁM 6A.1	5 408		5 408		PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		KDT MIỀN BẮC	27/01	245	31/01	BN 2332	CÁM 5A.1	1 937		1 937		PTCB	
3		VTT	24/01	213	31/01	BN 2365	DON 8A	1 070		1 070		TD	
	Tàu đã làm lệnh							***3 000***		***3 000***			
1		CROMIT	27/01	246	31/01	KHÁNH MINH 01	CÁM 5A.1	2 000		2 000		PTCB	
2		VTT	27/01	238	31/01	HP 6400	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**23 000**	**2 500**	**20 500**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***20 000***	***2 500***	***17 500***			
1		INDONESIA	19/01	02/01/XK		MV BOSHI 57	CỤC 5B.2	20 000	2 500	17 500	RÓT DỞ		
	Tàu đã làm lệnh							***3 000***		***3 000***			
1		CAMPUCHIA	20/01	04/01/XK		MV NAM SON 16	CỤC 4A.1	3 000		3 000			
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**33 000**	-	**33 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***15 000***		***15 000***			
1		ÚC		CLM		MV DOUBLE DELIGHT		15 000		15 000			TTCO: 15.000
	Tàu đã làm lệnh							***18 000***		***18 000***			
1		MOZAMBIQUE		CLM		MV MAYFAIR SPIRIT		18 000		18 000			TTCO: 18.000